

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - KHÁNH HÒA**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2025

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Nho Trí
- Ông Nguyễn Lý Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Kim P, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm: 1969; Nơi cư trú: Thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Trương Thị Kim P trình bày:*

Vợ chồng bà tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã C, tỉnh Khánh Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 27/9/2001.

Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Từ đó, vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, ông bà không còn chung sống với nhau nhiều năm. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung tên là Tạ Thị Bích H, sinh ngày: 10/10/1991; Tạ Thị Bích H1, sinh ngày: 08/7/1996; Trần Thị Bích N, sinh ngày: 27/4/2000.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ theo các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Kim P và ông Trần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã C, thị xã C, tỉnh Khánh Hòa (nay sáp nhập là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 27/9/2001. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Kim P và ông Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, không còn chung sống với nhau nhiều năm nay, hiện nay nguyên đơn khẳng định không còn tình cảm với bị đơn nên xin ly hôn. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc hôn nhân vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn bị đơn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung Tạ Thị Bích H, sinh ngày: 10/10/1991; Tạ Thị Bích H1, sinh ngày: 08/7/1996; Trần Thị Bích N, sinh ngày: 27/4/2000. Các con chung đã trưởng thành nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về “*ly hôn*” theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Kim P và ông Trần Văn T được ly hôn.

1.2. Về con chung: 03 con chung Tạ Thị Bích H, sinh ngày: 10/10/1991; Tạ Thị Bích H1, sinh ngày: 08/7/1996; Trần Thị Bích N, sinh ngày: 27/4/2000 đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

1.3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Kim P phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về “ly hôn” nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001930 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Bà Trương Thị Kim P đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Nam Cam Ranh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Vân